

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 404/TTr-STC ngày 23 tháng 12 năm 2024; Công văn số 420/STC-QLG&CS ngày 22 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Những nội dung liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các sở, ban, ngành được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk;
- b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- c) Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;
- d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá.

Điều 2. Tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; có trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) tổ chức triển khai các biện pháp bình ổn giá đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

- a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất đối với mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;
- b) Sở Công Thương đề xuất đối với mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- c) Sở Y tế đề xuất đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
- d) Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá.

2. Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá tại địa phương theo đề nghị của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực.

4. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật Giá, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ theo quy định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập văn bản đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xem xét, quyết định.

Điều 3. Thực hiện lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ

Đối với hàng hóa, dịch vụ định giá khác quy định tại điểm đ khoản 1 và

điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Thực hiện thẩm định phương án giá

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương;

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương;

c) Giá cụ thể đối với nước sạch khu vực nông thôn tập trung (bao gồm cả nước sạch do các đơn vị cấp nước sạch nông thôn tập trung cấp cho các đô thị, nước sạch tại cụm công nghiệp, khu công nghiệp).

d) Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;

b) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

c) Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, khu công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân.

3. Sở Giao thông vận tải thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý;

b) Khung giá dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

c) Giá tối đa dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

- d) Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa, cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;
- đ) Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô;
- e) Giá cụ thể dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị;
- g) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Sở Xây dựng thẩm định phương án giá đối với:

- a) Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- b) Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước);
- c) Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;
- d) Giá cụ thể đối với nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp (bao gồm cả nước sạch do các đơn vị cấp nước sạch đô thị cấp cho khu vực nông thôn, nước sạch tại cụm công nghiệp, khu công nghiệp).

5. Sở Tư pháp thẩm định phương án giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Công thương thẩm định phương án giá đối với: Giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước.

7. Sở Y tế thẩm định phương án giá đối với:

- a) Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập;
- b) Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Sở quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định phương án giá đối với:

- a) Khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ;
- b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

Điều 5. Việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, kê khai giá

Cơ quan, đơn vị được phân công thẩm định phương án giá quy định tại Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Thực hiện kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương gồm:

a) Dịch vụ lưu trú;

b) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

c) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;

d) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác gồm: đất san lấp, xây dựng công trình; đá làm vật liệu xây dựng thông thường (đá hỗn hợp sau nổ mìn, đá hộc, đá cấp phối, đá dăm các loại, đá chẻ, đá mặt; cát vàng dùng trong xây dựng .

đ) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện kê khai giá

a) Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ:

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo phân công tại Phần B Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- Đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương.

- Tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo phân công tại Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

- Rà soát tổng thể để tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của địa phương; lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào danh sách kê khai giá tại địa phương đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá. Trách nhiệm rà soát, lựa chọn của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thực

hiện theo phân công tiếp nhận kê khai giá tại Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương, danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của địa phương, danh sách kê khai giá tại địa phương đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách kê khai giá của các Bộ, cơ quan ngang Bộ đã ban hành, trên cơ sở đề nghị của các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ.

Điều 7. Quản lý cơ sở dữ liệu về giá

1. Xây dựng Cơ sở dữ liệu về giá

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, xây dựng, nâng cấp và thống nhất quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; có nhiệm vụ duy trì, quản lý, vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương và kết nối dữ liệu về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định về quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

b) Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định về quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

3. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

a) Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu.

Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ

thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định.

Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

b) Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu.

Danh sách các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan mình tiếp nhận kê khai giá.

Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định.

Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu.

Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập.

Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Điều 8. Tổng hợp, phân tích, báo cáo giá thị trường

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo trực tiếp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; báo cáo định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, cả năm và báo cáo đột xuất cho Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường theo ngành,

lĩnh vực, địa phương quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC gửi Sở Tài chính tổng hợp định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và cả năm. Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 25 của tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng; trước ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý đang thực hiện báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm. Trách nhiệm cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với Mã hàng hóa 02 từ 02.001 đến 02.002 là Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

b) Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với Mã hàng hóa 03 từ 03.001 đến 03.018 là Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC);

c) Sở Công Thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với Mã hàng hóa 03.019, mặt hàng Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

d) Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với Mã hàng hóa 04 từ 04.001 đến 04.002 là Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

đ) Sở Giao thông Vận tải: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với Mã hàng hóa 05 từ 05.001 đến 05.004 là Dịch vụ Giao thông tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

e) Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với Mã hàng hóa 06 từ 06.001 đến 06.002 là Dịch vụ giáo dục tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

g) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

h) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn cấp huyện quản lý đối với Mã hàng hóa 01 từ 01.001 đến 01.017 là Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số

29/2024/TT-BTC.

Điều 9. Nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính

a) Kiểm tra các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định của Luật giá và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 2, Điều 4, Điều 6 Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này. Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện theo nhiệm vụ được quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn, nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này, tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá ban hành kèm theo Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh;

2. Bãi bỏ điểm c, khoản 3 Điều 9 Quy định mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Cục QLGS - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND (b/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các phòng CM thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CN&CTTĐT
(đăng tải trên Cổng TTĐT tỉnh Đắk Lắk);
- Lưu: VT, KT (cn 2b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị